

PHƯƠNG PHÁP XẾP HẠNG TÍN NHIỆM NGÂN HÀNG

Thông tin tài liệu:

Ngày hiệu lực: 01/01/2025

Phiên bản: Công bố lần đầu

Thông tin liên hệ:

Khối Nghiên cứu và Xếp hạng

Sniratings@sniratings.com.vn

GIỚI THIỆU

Phương pháp xếp hạng ngân hàng của S&I Ratings mô tả các tiêu chí đánh giá và cách kết hợp giữa các tiêu chí này để đưa ra mức tín nhiệm cho tổ chức phát hành. Trong phạm vi phương pháp này, chúng tôi định nghĩa tổ chức phát hành là các ngân hàng thương mại cổ phần và chi nhánh ngân hàng nước ngoài hoạt động theo Luật các tổ chức tín dụng tại Việt Nam. Phương pháp này không áp dụng cho ngân hàng chính sách và ngân hàng hợp tác xã vì có sự khác biệt trong mô hình hoạt động.

Các tiêu chí đánh giá của S&I Ratings bao quát toàn diện các yếu tố rủi ro từ vĩ mô đến vi mô và được kết cấu có hệ thống, với mục tiêu là đưa ra được mức xếp hạng tín nhiệm có thể so sánh giữa các phân khúc ngân hàng với nhau. Chúng tôi đưa ra mức tín nhiệm dài hạn trên thang bậc từ mức AAA – phản ánh chất lượng tín nhiệm cao nhất, đến mức D – phản ánh chất lượng tín nhiệm thấp nhất.

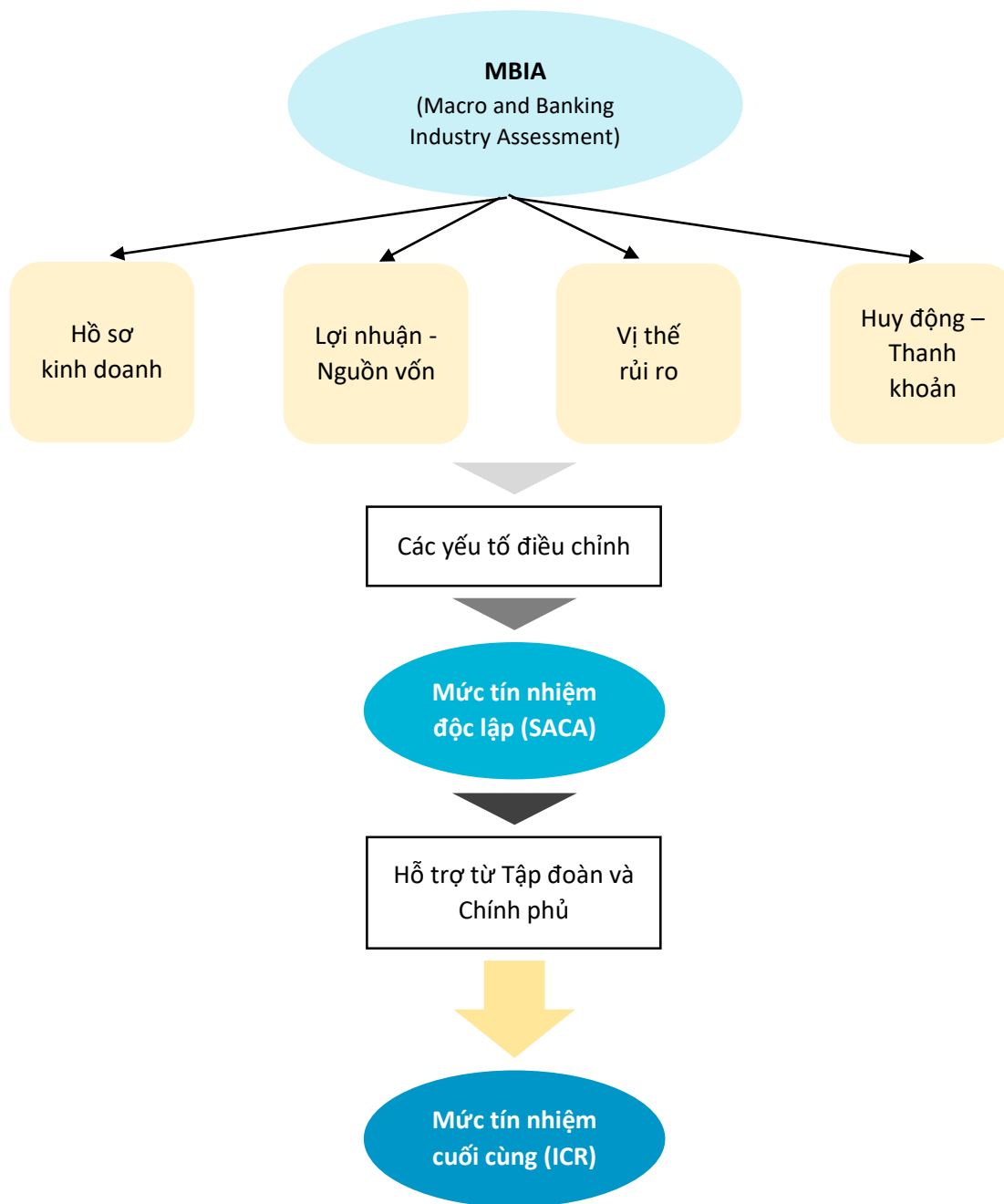
Để tìm hiểu thêm thông tin về các định nghĩa, ký hiệu và thuật ngữ về xếp hạng tín nhiệm, vui lòng truy cập trang thông tin điện tử www.sniratings.com.vn.

CẬP NHẬT VÀ ĐIỀU CHỈNH

Phương pháp xếp hạng tín nhiệm được S&I Ratings cập nhật và điều chỉnh hằng năm hoặc ngay khi chúng tôi thấy cần thiết để phù hợp với thực tiễn và môi trường kinh doanh tại Việt Nam. Những điều chỉnh trong tiêu chí đánh giá nếu ảnh hưởng đến mức tín nhiệm hoặc Triển vọng của tổ chức phát hành/công cụ nợ, chúng tôi sẽ xem xét lại tất cả các trường hợp mà mức tín nhiệm còn hiệu lực và đồng thời sẽ thông báo đến tổ chức phát hành về việc cập nhật.

TỔNG QUAN PHƯƠNG PHÁP

Hình 1: Tổng quan phương pháp xếp hạng tín nhiệm ngân hàng



Phương pháp xếp hạng ngân hàng là đưa ra đánh giá hướng về tương lai mà trong đó S&I Ratings tích hợp việc đánh giá Vĩ mô và ngành Ngân hàng (hay còn gọi là MBIA – Macro and Banking Industry Assessment), Hồ sơ Kinh doanh, Nguồn vốn – Lợi nhuận, Vị thế rủi ro, Huy động – Thanh khoản. Các yếu tố về định tính và định lượng sẽ được bao gồm trong việc phân tích để đưa ra mức tín nhiệm ban đầu. Mức tín nhiệm này

có thể tăng hoặc giảm sau khi xem xét các yếu tố điều chỉnh như việc so sánh với các ngân hàng khác trong cùng phân khúc hoặc so với trung bình ngành. Cuối cùng, chúng tôi sẽ xem xét sự hỗ trợ từ các bên khác trong tập đoàn và Ngân hàng nhà nước (hoặc các cơ quan quản lý) đến hoạt động kinh doanh của ngân hàng.

Các đánh giá hướng đến tương lai sẽ được dựa trên cơ sở là phân tích các rủi ro vĩ mô, rủi ro ngành ngân hàng và hoạt động kinh doanh của ngân hàng trong quá khứ. Dữ liệu để phục vụ cho việc đánh giá sẽ được thu thập từ nguồn thông tin đại chúng được công bố bởi doanh nghiệp, báo cáo tài chính đã được kiểm toán 03 - 05 năm gần nhất, thông tin nội bộ được cung cấp bởi ngân hàng và các thông tin đáng tin cậy khác từ các nguồn dữ liệu uy tín.

Đánh giá của S&I Ratings bắt đầu từ việc xác định điểm số cho đánh giá MBIA liên quan đến Vĩ mô và ngành ngân hàng tại Việt Nam. Chúng tôi không tách rời các đánh giá này vì ngành ngân hàng có mối quan hệ chặt chẽ với các vấn đề vĩ mô và điều này đã được chứng minh trong quá khứ qua các chu kỳ kinh tế khác nhau. Sau đó, chúng tôi sẽ đánh giá 4 nhóm yếu tố lớn khác bao gồm Hồ sơ kinh doanh, Lợi nhuận – Nguồn vốn, Vị thế rủi ro và Huy động – Thanh khoản để có những điều chỉnh tăng bậc hoặc giảm bậc từ mức MBIA. 4 nhóm rủi ro này có tỷ trọng riêng và bao gồm các tiêu chí phụ có mức đánh giá từ mức 1 đến 8 (8 bậc) trong đó mức 1 là mức đánh giá tốt nhất và 8 là mức đánh giá thấp nhất.

Mức tín nhiệm ban đầu sẽ được điều chỉnh thông qua việc so sánh với trung bình ngành và các ngân hàng cùng phân khúc khi các đánh giá này chưa được bao gồm tại các mục phân tích trên để có cái nhìn toàn diện về vị thế của nhà phát hành. Cuối cùng, các sự hỗ trợ khác đối với ngân hàng sẽ được xem xét để đưa ra mức tín nhiệm cuối cùng, đặc biệt là sự hỗ trợ từ Ngân hàng nhà nước và cơ quan quản lý đối với ngành ngân hàng trong những giai đoạn kinh tế khó khăn.

Mặc dù phương pháp này hướng dẫn đánh giá từng bước trong việc đưa ra mức tín nhiệm cho ngân hàng, kết quả cuối cùng có thể sẽ được điều chỉnh bởi kinh nghiệm của nhóm phân tích cũng như thảo luận kết quả với Hội đồng xếp hạng tín nhiệm.

Bảng 1: Tiêu chí đánh giá và tỷ trọng

Nhóm yếu tố	Tiêu chí đánh giá
Hồ sơ kinh doanh	Chiến lược và quản trị
	Sự ổn định trong kinh doanh
	Sự đa dạng trong kinh doanh
Lợi nhuận – Nguồn vốn	Tỷ lệ an toàn vốn
	Khả năng sinh lợi
Vị thế rủi ro	Khẩu vị rủi ro
	Tổn thất tín dụng
	Mức độ tập trung tín dụng
Huy động – Thanh khoản	Nguồn huy động vốn
	Thanh khoản

HỒ SƠ KINH DOANH

Hồ sơ kinh doanh của nhà phát hành đóng vai trò quan trọng trong việc xác định vị thế của ngân hàng tại thị trường đang hoạt động. S&I Ratings bắt đầu từ việc xác định chiến lược của ngân hàng xem có phù hợp với nguồn lực nội tại không, và sau đó sẽ đánh giá khả năng thực thi những chiến lược này như thế nào

trong quá khứ. Tiếp theo, chúng tôi sẽ xem xét sự ổn định trong hoạt kinh doanh, điển hình là hoạt động cấp tín dụng và dịch vụ hoạt động, và sau cùng là xem xét các sự đa dạng để đảm bảo hoạt động không bị gián đoạn nếu có bất kỳ rủi ro nào xảy ra. Các yếu tố đánh giá bao gồm Chiến lược và quản trị, Sự ổn định trong kinh doanh và Sự đa dạng trong kinh doanh.

03 yếu tố trên được S&I Ratings đánh giá một cách độc lập và sau đó sẽ được xem xét và điều chỉnh một cách tổng thể. Cho mỗi yếu tố trên, chúng tôi sẽ đánh giá từ mức 1 - mức đánh giá tốt nhất đến 8 – mức đánh giá thấp nhất. Mức đánh giá cuối cùng của mục được định nghĩa theo bảng dưới đây:

Bảng 2: Đánh giá Hồ sơ Kinh doanh

Mức đánh giá	Diễn giải
Mức 1	Nhà phát hành có hoạt động Rất ổn định và bền vững cho những giai đoạn kinh tế khác nhau. Mức tăng trưởng tín dụng vượt trội so với trung bình ngành và dẫn đầu về mảng hoạt động dịch vụ.
Mức 2	Nhà phát hành có hoạt động Ổn định và bền vững cho những giai đoạn kinh tế khác nhau. Mức tăng trưởng tín dụng và hoạt động dịch vụ Cao hơn nhiều so với trung bình ngành.
Mức 3	Nhà phát hành có hoạt động Khá ổn định và bền vững cho những giai đoạn kinh tế khác nhau. Mức tăng trưởng tín dụng và hoạt động dịch vụ Khá cao so với trung bình ngành.
Mức 4	Nhà phát hành có hoạt động Tương đối ổn định và bền vững cho những giai đoạn kinh tế khác nhau. Mức tăng trưởng tín dụng và hoạt động dịch vụ tương đương với trung bình ngành.
Mức 5	Điều kiện bất lợi trong môi trường hoạt động có khả năng tác động tiêu cực đến hoạt động kinh doanh. Tăng trưởng tín dụng không ổn định và thấp hơn so với trung bình ngành và ít đầu tư vào mảng hoạt động dịch vụ. Doanh thu phụ thuộc nhiều vào các mảng hoạt động có tính kém ổn định.
Mức 6	Điều kiện bất lợi trong môi trường hoạt động nhiều khả năng tác động tiêu cực đến hoạt động kinh doanh. Tăng trưởng tín dụng không ổn định và thấp hơn so với trung bình ngành. Doanh thu phần lớn đến từ các mảng hoạt động có tính kém ổn định.
Mức 7	Hoạt động kinh doanh dễ bị suy yếu bởi khi có sự bất lợi từ thị trường.
Mức 8	Các đổ vỡ có khả năng xảy ra cao khi có sự bất lợi từ thị trường.

Chiến lược và quản trị

Việc định vị chiến lược phù hợp với những nguồn lực nội tại và đón đầu xu hướng thị trường sẽ đóng vai trò quan trọng trong sự thành công của ngân hàng. Bên cạnh đó, cấu trúc sở hữu và khả năng quản trị tốt sẽ giúp cho chiến lược trở nên khả thi hơn và đồng thời tạo bộ khung vững chắc cho việc giảm thiểu rủi ro kinh doanh. Đối với ngân hàng, năng lực cạnh tranh sẽ phụ thuộc rất nhiều vào yếu tố quản trị và vì vậy chúng tôi xem xét mục này đầu tiên khi thực hiện xếp hạng ngân hàng.

Sự ổn định trong hoạt động kinh doanh

Các ngân hàng ở Việt Nam hiện nay đều được quy định mức tăng trưởng hàng năm trong mức room tín dụng được cấp bởi Ngân hàng nhà nước. Vì vậy, chúng tôi đánh giá sự ổn định của hệ thống ngân hàng tại Việt Nam ở mức khá cao và kết quả kinh doanh có thể dự phóng được một cách tương đối mặc dù có những

biến động trên thị trường. Đối với hoạt động cấp tín dụng, chúng tôi sẽ đánh giá mức tăng trưởng hàng năm của khoản mục Tiền gửi khách hàng và Cho vay khách hàng. Vì hầu hết các ngân hàng ở Việt Nam là ngân hàng thương mại, hoạt động cấp tín dụng chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cấu phần doanh thu nên chúng tôi sẽ chú trọng vào hoạt động này. Đối với hoạt động dịch vụ, chúng tôi sẽ xem xét mức tăng trưởng hàng năm và cấu phần trong tổng doanh thu của nhà phát hành, cũng như kế hoạch số hóa để đẩy mạnh mảng doanh thu này tăng trưởng một cách bền vững. Theo quan điểm của S&I Ratings, hoạt động cho vay và hoạt động dịch vụ được xem là những hoạt động mang tính ổn định cao. Thu nhập từ những hoạt động khác như chứng khoán kinh doanh, kinh doanh ngoại hối, bancassurance sẽ được xem là ít ổn định.

Sự đa dạng trong kinh doanh

Yếu tố này đóng vai trò quan trọng đối với sự ổn định trong hoạt động kinh doanh của nhà phát hành. Do hiện nay các ngân hàng Việt Nam hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực cho vay, vì vậy nhìn chung sự đa dạng trong các mảng kinh doanh sẽ không lớn như những ngân hàng hoạt động ở nước ngoài. Đối với những ngân hàng sở hữu công ty chứng khoán hoặc những đơn vị pháp nhân khác, chúng tôi sẽ xem xét tỷ trọng đóng góp về của những mảng hoạt động này và tính ổn định của nó trong dài hạn.

LỢI NHUẬN VÀ NGUỒN VỐN

Trong những giai đoạn kinh tế khó khăn, hệ thống ngân hàng sẽ chịu những tổn thất liên quan các khoản nợ không thể thu hồi, từ đó dẫn đến các chi phí trích lập dự phòng cao có thể ảnh hưởng tiêu cực đến lợi nhuận và nguồn vốn. S&I Ratings phân tích mục này để xem xét khả năng của nhà phát hành chống chịu trước những tổn thất đó như thế nào và liệu có đảm bảo cho quá trình hoạt động liên tục hay không. Ý nghĩa các mức đánh giá được diễn giải như sau:

Bảng 3: Đánh giá Lợi nhuận và Nguồn vốn

Mức đánh giá	Diễn giải
Mức 1	Nhà phát hành có tỷ lệ an toàn vốn Cao hơn rất nhiều so với quy định hiện hành và vượt trội so với trung bình ngành. Biên lợi nhuận và khả năng sinh lợi Rất cao, và tối ưu hóa được chi phí. Ngân hàng không gặp khó khăn trong việc tăng vốn.
Mức 2	Nhà phát hành có tỷ lệ an toàn vốn Cao hơn nhiều so với quy định hiện hành và Cao hơn so với trung bình ngành. Biên lợi nhuận và khả năng sinh lợi Cao, và tối ưu hóa được chi phí. Ngân hàng Không gặp khó khăn trong việc tăng vốn.
Mức 3	Nhà phát hành có tỷ lệ an toàn vốn Cao hơn so với quy định hiện hành và trung bình ngành. Biên lợi nhuận và khả năng sinh lợi ở mức Vừa phải, và tối ưu hóa được chi phí. Việc tăng vốn bị hạn chế ở 1 số nguồn.
Mức 4	Nhà phát hành có tỷ lệ an toàn vốn Cao hơn so với quy định hiện hành và tương đương với trung bình ngành. Biên lợi nhuận và khả năng sinh lợi ở mức Trung bình. Việc tăng vốn bị hạn chế ở 1 số nguồn.
Mức 5	Tỷ lệ an toàn vốn Thấp hơn trung bình ngành. Biên lợi nhuận và khả năng sinh lợi ở mức Khá thấp và không có nhiều khả năng để cải thiện. Việc tăng vốn bị hạn chế ở 1 số nguồn.
Mức 6	Tỷ lệ an toàn vốn Thấp hơn trung bình ngành. Biên lợi nhuận và khả năng sinh lợi ở mức Khá thấp và ít có lợi thế cạnh tranh. Việc tăng vốn bị hạn chế ở đa số các nguồn và phụ thuộc vào vốn cấp 2.

Mức 7	Tỷ lệ an toàn vốn thấp hơn trung bình ngành và tiệm cận mức quy định hiện hành. Biên lợi nhuận và khả năng sinh lợi ở mức Thấp và ít có lợi thế cạnh tranh. Việc tăng vốn bị hạn chế ở đa số các nguồn và phụ thuộc vào vốn cấp 2.
Mức 8	Tỷ lệ an toàn vốn thấp hơn mức quy định hiện hành. Biên lợi nhuận và khả năng sinh lợi ở mức Rất thấp và hầu như không có lợi thế cạnh tranh. Nhà phát hành gặp khó khăn trong việc tăng vốn.

Tỷ lệ an toàn vốn (CAR) và các kế hoạch tăng vốn trong tương lai sẽ được đánh giá và so sánh với trung bình ngành và các ngân hàng cùng phân khúc. Nhà phát hành có vốn đầy đồng nghĩa với khả năng chống chịu cao cho những tổn thất không lường trước (unexpected loss). Hiện nay, tỷ lệ an toàn vốn (CAR) tối thiểu của ngân hàng theo quy định tại Thông tư 41/2016/TT-BTC là 8%.

Sau đó, chúng tôi xem xét các tiêu chí định tính để đánh giá tính linh hoạt của nguồn vốn, chất lượng tạo ra lợi nhuận của nhà phát hành và các chính sách liên quan đến việc sử dụng nguồn lợi nhuận này để bổ sung cho nguồn vốn hiện hữu của ngân hàng. Các tiêu chí định tính điển hình mà S&I Ratings dùng để đánh giá tính linh hoạt của nguồn vốn như khả năng tăng vốn của ngân hàng từ phát hành cổ phần mới hoặc từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối, cơ cấu giữa vốn cấp 1 và vốn cấp 2, lịch sử thanh toán cổ tức bằng tiền mặt và cổ phần, và các xem xét khác theo từng trường hợp cụ thể.

Khả năng sinh lợi và mức độ bền vững của các nguồn thu nhập được đánh giá dựa trên các chỉ số tài chính và so sánh với trung bình ngành và các ngân hàng cùng phân khúc. Chúng tôi sẽ chủ yếu xem xét các nguồn thu nhập mang tính ổn định như thu nhập từ lãi cho vay và dịch vụ và không bao gồm các khoản không mang tính ổn định như bancassurance, chứng khoán kinh doanh và thu nhập khác. Các tiêu chí điển hình mà chúng tôi đánh giá bao gồm biên lãi ròng (NIM), chi phí hoạt động (CIR), khả năng sinh lợi ROAA và ROAE và các tiêu chí khác.

VỊ THẾ RỦI RO

Yếu tố này thể hiện mức độ chấp nhận rủi ro của nhà phát hành và mức độ phù hợp với chiến lược hoạt động và các nguồn lực nội tại. Việc lựa chọn các lĩnh vực cho vay, đối tượng khách hàng mục tiêu hoặc các tiêu chuẩn cho vay sẽ cho thấy được khẩu vị rủi ro của nhà phát hành. Mức độ chấp nhận rủi ro này trong thực tế đã có tác động nghiêm trọng như thế nào sẽ được thể hiện qua những tổn thất tín dụng (nợ xấu) trong quá khứ. Chúng tôi sẽ xem xét những xu hướng này trong quá khứ qua các giai đoạn khác nhau, đặc biệt là trong giai đoạn không thuận lợi của thị trường tín dụng để đánh giá sự tác động của nó đến lợi nhuận và nguồn vốn của ngân hàng như thế nào. Ý nghĩa các mức đánh giá cho toàn mục được định nghĩa theo bảng sau:

Bảng 4: Đánh giá Vị thế rủi ro

Mức đánh giá	Diễn giải
Mức 1	Các tổn thất trong lịch sử Rất thấp so với khẩu vị rủi ro và khả năng chống chịu với căng thẳng kinh tế Tốt hơn so với trung bình ngành và ngân hàng cùng phân khúc.
Mức 2	Các tổn thất trong lịch sử Thấp so với khẩu vị rủi ro và khả năng chống chịu với căng thẳng kinh tế Tốt hơn so với trung bình ngành và ngân hàng cùng phân khúc.

Mức 3	Các tổn thất trong lịch sử Khá thấp so với khẩu vị rủi ro và khả năng chống chịu với căng thẳng kinh tế Khá tốt so với trung bình ngành và ngân hàng cùng phân khúc.
Mức 4	Các tổn thất trong lịch sử Tương đương với khẩu vị rủi ro và khả năng chống chịu với căng thẳng kinh tế Khá tốt so với trung bình ngành và ngân hàng cùng phân khúc.
Mức 5	Các tổn thất trong lịch sử ở mức Khá cao so với khẩu vị rủi ro và khả năng chống chịu với căng thẳng kinh tế ở mức Khá thấp.
Mức 6	Các tổn thất trong lịch sử ở mức Cao và có xu hướng vẫn tiếp diễn trong ngắn hạn và trung hạn. Tổn thất gây ra lợi nhuận âm và tác động Tiêu cực đến nguồn vốn.
Mức 7	Các tổn thất trong lịch sử ở mức rất Cao và có xu hướng tiếp diễn trong ngắn hạn và trung hạn. Tổn thất gây ra ảnh hưởng nặng nề đến hoạt động kinh doanh của nhà phát hành.
Mức 8	Có bằng chứng lịch sử cho thấy hoạt động kinh doanh của nhà phát hành bị ngưng trệ khi xảy ra tổn thất.

Khẩu vị rủi ro

Khẩu vị rủi ro của nhà phát hành phải tương thích với năng lực nội tại, chiến lược kinh doanh, phân khúc khách hàng mục tiêu và khả năng chống chịu trước các tổn thất có thể xảy ra trong các điều kiện xấu nhất. S&I Ratings xem xét khẩu vị rủi ro của nhà phát hành trong quá khứ và đánh giá liệu có sự thay đổi trọng yếu nào có thể gây ra những tổn thất trong tương lai hay không.

Ngoài ra, chúng tôi sẽ xem xét khẩu vị của nhà phát hành hiện nay như thế nào so với trung bình ngành và trung bình nhóm ngân hàng cùng phân khúc. Ví dụ như các tiêu chuẩn liên quan đến việc cấp tín dụng (bao gồm cá nhân và tổ chức) ở các chi nhánh, quy trình phê duyệt tín dụng, hoạt động và điều kiện bảo lãnh thanh toán hoặc bảo lãnh phát hành, hoặc các mảng liên quan đến hoạt động kinh doanh chứng khoán, kinh doanh ngoại hối.

Lịch sử nợ xấu và các tổn thất

Khẩu vị rủi ro của tổ chức phát hành hàm ý về tổn thất và nợ xấu mà ngân hàng sẽ phải chịu, và mục này sẽ cho thấy kết quả của các tổn thất trong quá khứ. Ví dụ, ngân hàng có chiến lược kinh doanh nhắm đến những lĩnh vực kinh doanh hoặc đối tượng khách hàng có rủi ro cao thường có tỷ lệ nợ xấu cao trong những giai đoạn thị trường hoặc nền kinh tế nói chung kém thuận lợi. Ngược lại, tổ chức phát hành có vị thế rủi ro tốt được kỳ vọng sẽ có tổn thất trong tương lai thấp hơn mức trung bình ngành và các ngân hàng cùng phân khúc và có dữ liệu lịch sử chứng minh cho điều này.

Những yếu tố gợi ý cho việc phân tích và đánh giá về lịch sử nợ xấu và tổn thất của nhà phát hành bao gồm việc xem xét tỷ lệ nợ xấu/nợ quá hạn trong những giai đoạn kinh tế khác nhau và so sánh với khẩu vị rủi ro của từng giai đoạn để xem mức biến động. Ở Việt Nam, tỷ lệ này thường được kiểm soát dưới mức 3%, nếu không tổ chức phát hành sẽ gặp phải những hạn chế khác trong hoạt động kinh doanh. Tỷ lệ bao nợ xấu cũng sẽ được xem xét liệu rằng tỷ lệ này có đủ sẵn sàng để giúp ngân hàng tránh khỏi việc ghi nhận chi phí trích lập dự phòng lớn trong những giai đoạn suy thoái kinh tế hay không. Bên cạnh đó, chất lượng tài sản cũng sẽ được đánh giá xem có những khoản lãi cho vay và phí dịch vụ nào chưa thể thu hồi được ghi nhận trên Bảng cân đối kế toán hay không.

Các chính sách của Ngân hàng nhà nước và cơ quan quản lý cho hệ thống ngân hàng hoặc cho riêng từng tổ chức phát hành cũng sẽ được đánh giá, ví dụ như những quy định liên quan đến việc cơ cấu nợ, giữ nguyên nhóm nợ có thể chưa phản ánh đúng thực trạng tổn thất của nhà phát hành.

Mức độ tập trung tín dụng

Sự tập trung tín dụng là một trong những lý do dẫn đến sự hoạt động kém hiệu quả của ngân hàng. Tổ chức phát hành, ví dụ có sự đa dạng hóa trong những lĩnh vực cho vay hoặc đối tượng cho vay sẽ cho thấy các tổn thất thấp hơn trong những giai đoạn kinh tế suy thoái, so với trung bình toàn hệ thống ngân hàng. Tổ chức phát hành tập trung phần lớn cho vay ở những lĩnh vực có sự biến động cao nhiều khả năng sẽ có đánh giá kém khả quan hơn. Hoặc tập trung phần lớn vào một sản phẩm cho vay, đối tượng cho vay sẽ gặp rủi ro hơn những ngân hàng có sự đa dạng.

NGUỒN HUY ĐỘNG VÀ THANH KHOẢN

Tiêu chí này đánh giá sự đa dạng và ổn định của các nguồn vốn mà nhà phát hành có thể huy động và sự đầy đủ trong tính thanh khoản của nhà phát hành trong những điều kiện thị trường căng thẳng. Ý nghĩa các mức đánh giá cho toàn mục này được định nghĩa theo bảng dưới đây:

Bảng 5: Đánh giá Nguồn huy động và Thanh khoản

Mức đánh giá	Diễn giải
Mức 1	Có khả năng tiếp cận đa dạng nguồn vốn phù hợp với cấu trúc tài sản và khả năng này vượt trội so với mức trung bình ngành. Nguồn thanh khoản trên bảng cân đối đáp ứng hoàn toàn nhu cầu thanh khoản trong điều kiện căng thẳng.
Mức 2	Có khả năng tiếp cận đa dạng nguồn vốn phù hợp với cấu trúc tài sản và khả năng này Tốt hơn so với mức trung bình ngành. Nguồn thanh khoản trên bảng cân đối đáp ứng phần lớn nhu cầu thanh khoản trong điều kiện căng thẳng.
Mức 3	Có khả năng tiếp cận Khá đa dạng nguồn vốn phù hợp với cấu trúc tài sản và khả năng này Khá tốt so với mức trung bình ngành. Nguồn thanh khoản trên bảng cân đối đáp ứng phần một phần trong điều kiện căng thẳng và nhà phát hành phải tiếp cận các nguồn thanh khoản thứ cấp khác.
Mức 4	Có khả năng tiếp cận nguồn vốn phù hợp với cấu trúc tài sản ở mức tương đương so với trung bình ngành. Nguồn thanh khoản trên bảng cân đối đáp ứng phần một phần trong điều kiện căng thẳng và phải tiếp cận các nguồn thanh khoản thứ cấp khác.
Mức 5	Nhà phát hành chỉ tiếp cận một số ít nguồn vốn và các nguồn vốn có tính thiếu ổn định. Cần đến sự hỗ trợ của các nguồn vốn bên ngoài trong điều kiện thị trường căng thẳng.
Mức 6	Nhà phát hành chỉ tiếp cận một số ít nguồn vốn và các nguồn vốn có tính thiếu ổn định. Phần lớn nhà phát hành cần đến sự hỗ trợ của nguồn vốn thứ cấp trong điều kiện thị trường căng thẳng.
Mức 7	Nhà phát hành chỉ có vài nguồn vốn để tiếp cận và chi phí vốn ở mức Cao. Tài sản thanh khoản trên bảng cân đối chỉ đáp ứng phần nhỏ nhu cầu thanh khoản và cần sự hỗ trợ của nguồn thứ cấp ngay trong điều kiện thông thường.

Mức 8

Nhà phát hành chỉ có vài nguồn vốn để tiếp cận và chi phí ở mức Rất cao. Tài sản thanh khoản trên bảng cân đối chỉ đáp ứng phần nhỏ nhu cầu thanh khoản và cần sự hỗ trợ của nguồn thứ cấp ngay trong điều kiện thông thường.

Nguồn huy động

S&I Ratings tập trung vào tính đa dạng và ổn định của các nguồn huy động của nhà phát hành, và sự phù hợp của những nguồn này đối với tài sản có phát sinh lãi và các tài sản khác.

S&I Ratings đánh giá cơ cấu nguồn huy động như tiền gửi từ cá nhân và tiền gửi tổ chức (tiền gửi có kỳ hạn và không kỳ hạn), tiền gửi của Kho bạc nhà nước, các khoản tiền gửi hoặc tiền vay trên thị trường liên ngân hàng, hoạt động phát hành giấy tờ có giá, khoản vay có bảo đảm hoặc không bảo đảm từ Ngân hàng nhà nước trên thị trường mở (OMO) và các nguồn khác. Ngoài ra, chi phí huy động các nguồn trên cũng và xu hướng biến động của nó cũng là một trong những tiêu chí quan trọng khi đánh giá.

Thanh khoản

Thanh khoản cho thấy khả năng của nhà phát hành có thể chống chịu trước điều kiện căng thẳng ngoài dự kiến như việc rút tiền hàng loạt hoặc các rủi ro trong chênh lệch giữa kỳ hạn giữa tiền gửi và cho vay khách hàng. Ngoài các quy định hiện hành của Ngân hàng nhà nước về thanh khoản như tỷ lệ cho vay khách hàng trên tổng tiền gửi (LDR), vốn ngắn hạn cho vay trung dài hạn (SFLR), tỷ lệ dự trữ thanh khoản (LCR) và tỷ lệ đảm bảo thanh khoản 30 ngày, S&I Ratings xem xét thêm những yếu tố khác như tỷ trọng của tài sản có tính thanh khoản cao trong tổng tài sản, sự phụ thuộc vào nguồn thanh khoản từ Ngân hàng nhà nước.

CÁC YẾU TỐ ĐÁNH GIÁ KHÁC

Những yếu tố quan trọng khác cũng sẽ được xem xét như việc các Ngân hàng triển khai và áp dụng các tiêu chuẩn quản trị quốc tế như Basel III và IFRS. Tùy theo từng trường hợp cụ thể, chúng tôi sẽ đánh giá mức độ sẵn sàng và ảnh hưởng của nó lên hoạt động giám sát và quản trị Ngân hàng hiện nay và sẽ xem đó như là 1 yếu tố tích cực.

CÁC YẾU TỐ HỖ TRỢ TỪ BÊN NGOÀI

Những hỗ trợ khác từ bên ngoài đối với nhà phát hành sẽ được đánh giá để xem xét mức tác động lên chất lượng tín nhiệm hiện hữu, gồm sự hỗ trợ từ cổ đông và thành viên khác trong hệ sinh thái nhà phát hành và hỗ trợ từ Ngân hàng nhà nước và cơ quan quản lý. Đối với các ngân hàng, điều chỉnh sự hỗ trợ sẽ được xem xét trong từng trường hợp cụ thể, tính bền vững và mức độ tác động đến chất lượng tín nhiệm của tổ chức phát hành.